

# ÔN TẬP

```
graph TD; A[ÔN TẬP] --- B[CHỦ ĐỀ 5]; A --- C[CHỦ ĐỀ 6]; A --- D[CHỦ ĐỀ 7]; A --- E[CHỦ ĐỀ 8];
```

**CHỦ ĐỀ 5**

**CHỦ ĐỀ 6**

**CHỦ ĐỀ 7**

**CHỦ ĐỀ 8**

**CHỦ ĐỀ 5:  
CHẤT TINH KHIẾT –  
HỖN HỢP. PHƯƠNG  
PHÁP TÁCH CÁC CHẤT**

**BÀI 15:  
CHẤT  
TINH  
KHIẾT.  
HỖN HỢP**

**BÀI 16: MỘT  
SỐ PHƯƠNG  
PHÁP TÁCH  
CHẤT RA  
KHỎI HỖN  
HỢP**

**BÀI 15:  
CHẤT  
TINH  
KHIẾT.  
HỖN HỢP**

**Chất tinh khiết**

**Hỗn hợp**

**Hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp  
không đồng nhất**

**Chất rắn tan và không tan trong  
nước**

**Các yếu tố ảnh hưởng đến lượng  
chất rắn hòa tan trong nước**

**Chất khí tan trong nước**

**Dung dịch – Dung môi – Chất tan**

**Huyền phù**

**Nhũ tương**

**Phân biệt dung dịch, huyền phù  
và nhũ tương**

# BÀI 15: CHẤT TINH KHIẾT. HỖN HỢP

## 1. Chất tinh khiết

- Chất tinh khiết (chất nguyên chất) được tạo ra từ 1 chất duy nhất.
- Mỗi chất tinh khiết đều có thành phần hóa học và tính chất nhất định và không đổi.

## 2. Hỗn hợp

- Hỗn hợp được tạo ra khi 2 hay nhiều chất trộn lẫn với nhau.

## 3. Hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất

- Hỗn hợp đồng nhất là hỗn hợp có thành phần giống nhau tại mọi vị trí trong toàn bộ hỗn hợp.
- Hỗn hợp không đồng nhất là hỗn hợp có thành phần không giống nhau trong toàn bộ hỗn hợp.

## 4. Chất rắn tan và không tan trong nước

- Một số chất rắn tan được trong nước và một số chất rắn không tan được trong nước.
- Khả năng tan trong nước của các chất rắn là khác nhau.

## **5. Các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hòa tan trong nước**

- Muốn chất rắn tan nhanh trong nước, ta có thể thực hiện một, hai hoặc cả ba biện pháp sau:

- + Khuấy dung dịch.
- + Đun nóng dung dịch.
- + Nghiền nhỏ chất rắn.

## **6. Chất khí tan trong nước**

- Một số chất khí có thể tan trong nước. Khả năng tan trong nước của các chất khí là khác nhau.

## **7. Dung dịch – Dung môi – Chất tan**

- Chất tan là chất được hòa tan trong dung môi. Chất tan có thể là chất rắn, chất lỏng hoặc chất khí.

- Dung môi là chất để hòa tan chất tan. Dung môi thường là chất lỏng.

- Dung dịch là hỗn hợp đồng nhất của chất tan và dung môi.

## **8. Huyền phù**

- Huyền phù là một hỗn hợp không đồng nhất gồm các hạt chất rắn phân tán lơ lửng trong môi trường chất lỏng.

## **9. Nhũ tương**

- Nhũ tương là một hỗn hợp không đồng nhất gồm một hay nhiều chất lỏng phân tán trong môi trường chất lỏng nhưng không tan trong nhau.

## **10. Phân biệt dung dịch, huyền phù và nhũ tương**

- Ngược lại với dung dịch, khi để yên một huyền phù thì hạt chất rắn sẽ lắng xuống tạo ra một lớp cặn.

- Nếu để yên nhũ tương thì các chất lỏng vẫn phân bố trong nhau nhưng không đồng nhất.

**BÀI 16:  
MỘT SỐ  
PHƯƠNG  
PHÁP TÁCH  
CHẤT RA  
KHỎI HỖN  
HỢP**

**Sự cần thiết tách các  
chất ra khỏi hỗn hợp**

**Một số phương pháp  
đơn giản tách các chất  
ra khỏi hỗn hợp**

**Thực hành tách chất**

Lọc  
Cô cạn  
Chiết

# BÀI 16: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP TÁCH CHẤT RA KHỎI HỖN HỢP

## 1. Sự cần thiết tách các chất ra khỏi hỗn hợp

- Trong tự nhiên, các chất thường tồn tại ở dạng các hỗn hợp nên khi cần chất tinh khiết phải thực hiện các phương pháp tách để tách riêng chúng.

## 2. Một số phương pháp đơn giản tách các chất ra khỏi hỗn hợp

- Một số phương pháp vật lí thường dùng để tách các chất ra khỏi hỗn hợp:

+ Phương pháp lọc: Dùng để tách chất rắn không tan ra khỏi hỗn hợp lỏng.

+ Phương pháp cô cạn: Dùng để tách chất rắn tan (không hoá hơi khi gặp nhiệt độ cao) ra khỏi dung dịch hỗn hợp lỏng.

+ Phương pháp chiết: Dùng để tách các chất lỏng ra khỏi hỗn hợp lỏng không đồng nhất.

## 3. Thực hành tách chất



**CHỦ ĐỀ 6:  
TẾ BÀO – ĐƠN VỊ CƠ  
SỞ CỦA SỰ SỐNG**

**BÀI 17:  
TẾ BÀO**

**BÀI 18:  
THỰC  
HÀNH  
QUAN SÁT  
TẾ BÀO  
SINH VẬT**

# **BÀI 17: TẾ BÀO**

## **Khái quát chung về tế bào**

- Khái niệm tế bào
- Kích thước và hình dạng của tế bào
- Các thành phần chính của tế bào

## **Sự lớn lên và sinh sản của tế bào**

- Sự lớn lên
- Sự sinh sản

# BÀI 17: TẾ BÀO

## 1. Khái quát chung về tế bào

- Mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ tế bào.
- Tế bào có kích nhỏ, phần lớn không quan sát được bằng mắt thường mà phải dùng kính hiển vi.
- Tế bào có nhiều hình dạng khác nhau:
  - + Hình cầu: tế bào trứng
  - + Hình đĩa: tế bào hồng cầu
  - + Hình sợi: tế bào sợi nấm
  - + Hình sao: tế bào thần kinh
  - + Hình trụ: tế bào lót xoang mũi, tế bào mạch dẫn lá
  - + Hình thoi: tế bào cơ trơn
  - + Hình nhiều cạnh: tế bào biểu bì
- Tế bào cấu tạo từ 3 thành phần chính:
  - + Màng tế bào: bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào và đi ra khỏi tế bào
  - + Chất tế bào: nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào
  - + Nhân tế bào (tế bào nhân thực) hoặc vùng nhân (tế bào nhân sơ): chứa vật chất di truyền, điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.
- Tế bào động vật và thực vật đều là tế bào nhân thực.
- Tế bào thực vật có bào quan lục lạp thực hiện chức năng quang hợp.

## 2. Sự lớn lên và sinh sản của tế bào

### \* Tìm hiểu sự lớn lên của tế bào

- Tế bào thực hiện quá trình trao đổi chất để lớn lên (về kích thước, khối lượng và thay đổi hình dạng thành tế bào trưởng thành).

### \* Tìm hiểu sự sinh sản của tế bào

- Khi đạt kích thước nhất định, một số tế bào sẽ thực hiện phân chia tạo ra các tế bào con (còn gọi là sự sinh sản của tế bào).

- Sự lớn lên và sinh sản của tế bào là cơ sở cho sự lớn lên của sinh vật; giúp thay thế các tế bào bị tổn thương hoặc tế bào chết ở sinh vật.

- Tế bào vừa là đơn vị cấu trúc vừa là đơn vị chức năng cho mọi cơ thể sống.

- CT: Xác định số tế bào con được tạo ra ở lần sinh sản thứ n:  $2^n$  tế bào.

**BÀI 18:  
THỰC  
HÀNH  
QUAN  
SÁT TẾ  
BÀO SINH  
VẬT**

**Quan sát tế bào trứng cá bằng  
mắt thường và kính lúp**

**Quan sát tế bào biểu bì vảy  
hàng bằng kính hiển vi quang  
học**

**Quan sát hình dạng tế bào biểu  
bì da ếch**

# **CHỦ ĐỀ 7: TỪ TẾ BÀO ĐẾN CƠ THỂ**

**BÀI 19:  
CƠ THỂ  
ĐƠN  
BÀO VÀ  
CƠ THỂ  
ĐA BÀO**

**BÀI 20:  
CÁC CẤP  
ĐỘ TỔ  
CHỨC  
TRONG  
CƠ THỂ  
ĐA BÀO**

**BÀI 21:  
THỰC  
HÀNH  
QUAN  
SÁT  
SINH  
VẬT**

**BÀI 19:  
CƠ THỂ  
ĐƠN  
BÀO VÀ  
CƠ THỂ  
ĐA BÀO**

**Cơ thể đơn  
bào**

Là cơ thể được cấu tạo từ một  
tế bào

Ví dụ minh họa

**Cơ thể đa bào**

Là cơ thể được cấu tạo từ  
nhiều tế bào

Ví dụ minh họa

# BÀI 19: CƠ THỂ ĐƠN BÀO VÀ CƠ THỂ ĐA BÀO

## 1. Cơ thể đơn bào

- Cơ thể đơn bào là cơ thể được cấu tạo từ một tế bào.
- Tế bào đó thực hiện các chức năng của một cơ thể sống.

VD: trùng roi, trùng giày, trùng biến hình, vi khuẩn E.coli, tảo silic, ...

## 2. Cơ thể đa bào

- Cơ thể đơn bào là cơ thể được cấu tạo từ nhiều tế bào khác nhau thực hiện các chức năng khác nhau trong cơ thể.
- Cơ thể thực vật được cấu tạo từ các loại tế bào: tế bào biểu bì, tế bào mạch dẫn, tế bào lông hút, ...
- Cơ thể động vật được cấu tạo từ các loại tế bào như: tế bào cơ, tế bào thần kinh, tế bào biểu bì.

VD: cây phượng, con người, con giun, ...



**BÀI 20:  
CÁC CẤP  
ĐỘ TỔ  
CHỨC  
TRONG  
CƠ THỂ  
ĐA BÀO**

**Từ tế bào đến  
mô**

Khái niệm mô

Ví dụ minh họa

**Từ mô đến cơ  
quan**

Khái niệm cơ quan

Ví dụ minh họa

**Từ cơ quan  
đến cơ thể**

Khái niệm hệ cơ quan, cơ thể

Ví dụ minh họa

# **BÀI 20: CÁC CẤP ĐỘ TỔ CHỨC TRONG CƠ THỂ ĐA BÀO**

## **1. Từ tế bào đến mô**

- Mô là tập hợp một nhóm tế bào giống nhau về hình dạng và cùng thực hiện một chức năng nhất định

+ Mô thực vật: mô phân sinh, mô biểu bì, mô dẫn, mô cơ bản, ...

+ Mô động vật: mô cơ, mô thần kinh, mô liên kết, mô biểu bì, ...

## **2. Từ mô đến cơ quan**

- Cơ quan là tập hợp của nhiều mô cùng thực hiện một chức năng trong cơ thể

- Cơ quan ở thực vật: rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt

- Cơ quan ở động vật: dạ dày, ruột, gan, tim, phổi, mắt, mũi miệng, ...

### 3. Từ cơ quan đến cơ thể

- Hệ cơ quan là tập hợp một số cơ quan cùng hoạt động, thực hiện một chức năng nhất định.
- Ở cơ thể thực vật, các hệ cơ quan được chia thành: hệ chồi và hệ rễ
- Ở cơ thể động vật gồm một số hệ cơ quan như:
  - + Hệ vận động (xương, cơ).
  - + Hệ tuần hoàn (tim, máu, mạch máu).
  - + Hệ hô hấp (mũi, hầu, thanh quản, khí quản, phế quản, phổi, ...)

**BÀI 21:  
THỰC  
HÀNH  
QUAN SÁT  
SINH VẬT**

**Quan sát cơ thể đơn bào**

**Quan sát các cơ quan cấu  
tạo cây xanh**

**Quan sát mô hình hoặc  
tranh ảnh cấu tạo cơ thể  
người**

# CHỦ ĐỀ 8: ĐA DẠNG THỂ GIỚI SỐNG

**BÀI 22:  
PHÂN  
LOẠI  
THỂ  
GIỚI  
SỐNG**

**BÀI 23:  
THỰC  
HÀNH XÂY  
DỰNG  
KHÓA  
LƯỠNG  
PHÂN**

**BÀI 24:  
VIRUS**

**BÀI 25:  
VI  
KHUẨN**

**BÀI 26:  
THỰC  
HÀNH  
QUAN  
SÁT VI  
KHUẨN**

## **BÀI 22: PHÂN LOẠI THỂ GIỚI SỐNG**

**Sự cần thiết của  
việc phân loại  
thể giới sống**

Phân loại thể giới sống là gì?  
Nhiệm vụ của phân loại thể  
giới sống

**Các bậc phân  
loại sinh vật**

Các bậc phân loại sinh vật  
Cách gọi tên loài

**Các giới sinh  
vật**

Giới Khởi sinh  
Giới Nguyên sinh  
Giới Nấm  
Giới Thực vật  
Giới Động vật

**Khóa lưỡng  
phân**

Khóa lưỡng phân là gì?  
Cách xây dựng khóa lưỡng  
phân

**BÀI 23: THỰC HÀNH  
XÂY DỰNG KHÓA  
LƯỠNG PHÂN**

**Sơ đồ khóa lưỡng phân  
bảy bộ côn trùng**

**Thực hành xây dựng  
khóa lưỡng phân**

## **BÀI 24: VIRUS**

### **Đặc điểm virus**

Hình dạng của một số virus

Cấu tạo của virus

### **Vai trò của Virus**

Lợi ích của virus

Bệnh do virus gây ra và biện pháp phòng tránh



## **BÀI 25: VI KHUẨN**

**Đặc điểm của vi  
khuẩn**

Hình dạng của vi khuẩn

Cấu tạo của vi khuẩn

**Vai trò của vi  
khuẩn**

Lợi ích của vi khuẩn

Một số bệnh do vi khuẩn và  
biện pháp phòng chống

**BÀI 26: THỰC HÀNH  
QUAN SÁT VI KHUẨN.  
TÌM HIỂU CÁC BƯỚC  
LÀM SỮA CHUA**

**Thực hành quan sát vi  
khuẩn**

**Hướng dẫn làm sữa  
chua**

## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 5

**Câu 1:** Chất tinh khiết là

- A. chỉ có một chất.
- B. chứa một chất chính và nhiều chất phụ
- C. từ hai hay nhiều chất trở lên
- D. chỉ có hai loại chất duy nhất.

**Câu 2:** Hỗn hợp tạo ra từ.

- A. Chỉ một chất tạo ra.
- B. Chỉ hai chất tạo ra
- C. Hai hay nhiều chất trộn lẫn vào nhau.
- D. Nhiều chất tạo ra.

**Câu 3:** Trường hợp nào sau đây là chất tinh khiết?

- A. Nước khoáng.
- B. Gỗ
- C. Nước sông.
- D. Nước biển.

## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 5

**Câu 4:** Để phân biệt chất tinh khiết và hỗn hợp ta dựa vào

- A. tính chất của chất.
- B. thể của chất.
- C. mùi vị của chất.
- D. số chất tạo nên.

**Câu 5:** Muốn hoà tan được nhiều muối ăn vào nước, ta **không nên** sử dụng phương pháp nào dưới đây?

- A. Nghiền nhỏ muối ăn.
- B. Đun nóng nước.
- C. Vừa cho muối ăn vào nước vừa khuấy đều.
- D. Bỏ thêm đá lạnh vào.

**Câu 6:** Khi hòa tan một chất khí vào nước ta cần.

- A. Tăng nhiệt độ, tăng áp suất.
- B. Tăng nhiệt độ, giảm áp suất.
- C. Giảm nhiệt độ, tăng áp suất.
- D. Giảm nhiệt độ, giảm áp suất

## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 5

**Câu 7:** Hỗn hợp nào sau đây **không** được xem là dung dịch?

- A. Hỗn hợp nước đường.
- B. Hỗn hợp bột mì và nước khuấy đều.
- C. Hỗn hợp nước muối.
- D. Hỗn hợp nước và rượu.

**Câu 8:** Khi nước sông dâng cao, các vùng đồng bằng được bồi đắp một lượng phù sa rất lớn. Nước phù sa thuộc dạng

- A. Nhũ tương.
- B. Dung dịch.
- C. Huyền phù.
- D. Chất tinh khiết.

**Câu 9:** Hai chất lỏng không hòa tan vào nhau nhưng khi chịu tác động, chúng lại phân tán vào nhau thì gọi là

- A. Dung dịch.
- B. Huyền phù.
- C. Chất tinh khiết.
- D. Nhũ tương.

## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 5

**Câu 10:** Khi hòa tan đường phèn vào nước, ta được hỗn hợp gọi là:

- A. Nhũ tương.
- B. Dung dịch.
- C. Huyền phù.
- D. Dung môi.

**Câu 11:** Khi hoà tan 100 ml rượu Etylic vào 80 ml nước thì nhận định nào đây đúng?

- A. Nước và rượu đều là chất tan.
- B. Nước là chất tan và rượu là dung môi.
- C. Rượu là chất tan và nước là dung môi.
- D. Nước và rượu đều là dung môi.

**Câu 12:** Phát biểu nào sau đây đúng:

- A. Hỗn hợp nước muối gọi là nhũ tương.
- B. Khi hòa tan muối vào nước thì ta được dung môi.
- C. Khi hòa tan muối vào nước thì nước được gọi là dung dịch.
- D. Khi hòa tan muối vào nước thì nước được gọi là dung môi.

## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 5

**Câu 13:** Khi cho bột mì vào nước và khuấy đều, ta thu được

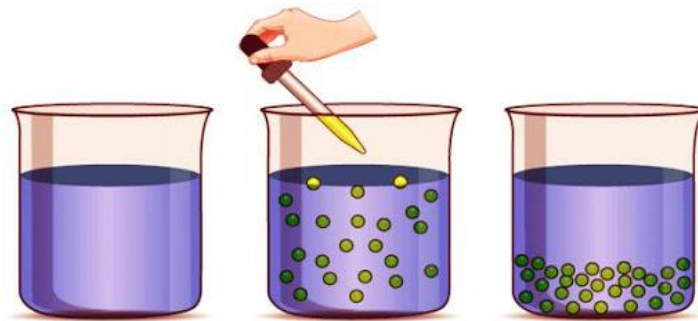
- A. Huyền phù.
- B. Nhũ tương.
- C. Dung dịch.
- D. Dung môi.

**Câu 14:** Khi cho dầu ăn vào nước, khuấy đều, ta thu được:

- A. Huyền phù.
- B. Nhũ tương.
- C. Dung dịch.
- D. Dung môi.

**Câu 15:** Cho mô tả về dung dịch như sau:

Phát biểu nào sau đây đúng?



- A. Hỗn hợp này là hỗn hợp không đồng nhất.
- B. Hỗn hợp này là hỗn hợp đồng nhất.
- C. Hỗn hợp này có chất tan trong nước.
- D. Dung dịch này được gọi là huyền phù.

## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 5

**Câu 16:** Phương pháp nào dưới đây là đơn giản nhất để tách cát lẫn trong nước?

A. Lọc.

B. Dùng máy li tâm.

C. Chiết.

D. Cô cạn.

**Câu 17:** Nếu không may làm đổ dầu ăn vào nước, ta dùng phương pháp nào để tách riêng dầu ăn ra khỏi nước?

A. Lọc.

B. Chiết.

C. Dùng máy li tâm.

D. Cô cạn.

**Câu 18:** Cho hình ảnh về dụng cụ bên:

Theo em, dụng cụ này có thể được sử dụng để tách riêng các chất trong hỗn hợp nào dưới đây?

A. Nước và rượu.

B. Cát lẫn trong nước.

C. Dầu ăn và nước.

D. Bột mì lẫn trong nước.





## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 5

**Câu 19:** Tác dụng chủ yếu của việc đeo khẩu trang là gì?

- A. Tách khói bụi ra khỏi không khí hít vào.
- B. Tách hơi nước ra khỏi không khí hít vào.
- C. Tách oxygen ra khỏi không khí hít vào.
- D. Tách khí carbon dioxide ra khỏi không khí hít vào.

**Câu 20:** Vào mùa hè, nhiều hôm thời tiết rất oi bức khiến chúng ta cảm thấy ngột ngạt, khó thở. Thế nhưng sau khi có một trận mưa rào ập xuống, người ta lại cảm thấy dễ chịu hơn nhiều. Lí do là:

- A. Mưa đã làm giảm nhiệt độ môi trường.
- B. Mưa đã làm giảm nhiệt độ môi trường và loại bớt khói bụi ra khỏi không khí.
- C. Mưa đã làm chết các loài sinh vật gây bệnh.
- D. Mưa đã làm giảm nhiệt độ môi trường và làm chết các loài sinh vật gây bệnh.

## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 5

**Câu 21:** Tách muối ăn ra khỏi dung dịch nước muối bằng phương pháp nào sau đây?

- A. Cô cạn.
- B. Lọc.
- C. Chiết.
- D. Dùng nam châm hút.

**Câu 22:** Việc làm nào sau đây là quá trình tách chất dựa theo sự khác nhau về kích thước hạt?

- A. Ngâm quả dâu với đường để lấy nước dâu.
- B. Lọc nước bị vẩn đục bằng giấy lọc.
- C. Giặt giẻ lau bằng nước từ vòi nước.
- D. Dùng nam châm hút bột sắt từ hỗn hợp bột sắt và lưu huỳnh.

**Câu 23:** Trong máy lọc nước có nhiều lõi lọc khác nhau. Trong đó, có một lõi làm bằng bông được ép rất chặt. Theo em, lõi bông đó có tác dụng gì?

- A. Lọc chất tan trong nước.
- B. Lọc và giữ lại khoáng chất.
- C. Lọc hoá chất độc hại.
- D. Lọc chất không tan trong nước.



## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 6

**Câu 1:** Đặc điểm nào sau đây có ở tế bào nhân thực mà không có ở tế bào nhân sơ?

- A. Màng nhân.
- B. Nhân tế bào
- C. Màng tế bào
- D. Chất tế bào

**Câu 2:** Tại sao thằn lằn đứt đuôi và mọc ra đuôi mới?

- A. Vì thằn lằn có khả năng biến hóa
- B. Vì tế bào ở gốc đuôi thằn lằn lớn lên và sinh sản, giúp thay thế tế bào ở đuôi đã đứt, mọc lại thành đuôi mới cho nó
- C. Vì thằn lằn có khả năng quang hợp nên đuôi bị đứt có thể mọc lại thành đuôi mới.
- D. Vì gốc đuôi thằn lằn có tế bào mô phân sinh giúp đuôi dài ra giống như thực vật.

**Câu 3:** Vì sao khi quan sát tế bào củ hành không có màu xanh?

- A. Vì củ hành không phải thực vật
- B. Vì khi làm thí nghiệm ta chỉ bóc lớp vỏ lụa bên ngoài
- C. Vì tế bào vảy hành không có lục lạp chứa chất diệp lục
- D. Vì củ hành có màu tím

## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 6

**Câu 4:** Hai bạn Lan và Mai cùng làm tiêu bản biểu bì vảy hành khi thực hiện bước tách vỏ củ hành, Lan dùng kim mũi mác cắt lát mỏng, còn Mai dùng kim mũi mác cắt bóc lớp vỏ lụa. Theo em, tiêu bản của bạn nào sẽ quan sát rõ các thành phần của tế bào hơn? Giải thích?

A. Tiêu bản của Mai quan sát rõ thành phần tế bào hơn, vì khi bóc vỏ lụa củ hành thì mẫu tiêu bản có rất nhiều tế bào bị xếp chồng lên nhau do đó dễ quan sát.

B. Tiêu bản của Lan quan sát rõ thành phần tế bào hơn, vì lớp vỏ lụa dày hơn.

C. Tiêu bản của bạn Lan quan sát rõ các thành phần của tế bào vì bạn đã cắt lớp vỏ hành mỏng

**D.** Tiêu bản của bạn Mai sẽ quan sát rõ các thành phần của tế bào, vì nếu dùng kim mũi mác cắt bóc lớp vỏ lụa củ hành thì tiêu bản có rất ít tế bào xếp chồng lên nhau do đó dễ quan sát hơn.

## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 6

**Câu 5:** Tế bào vậy hành có hình lục giác, thành phần nào của chúng quyết định điều đó?

- A. Vách tế bào  
B. Nhân  
C. Chất tế bào  
D. Màng sinh chất

**Câu 6:** Trong cơ thể sinh vật, có 3 tế bào bắt đầu quá trình sinh sản để tạo ra các tế bào mới, nếu những tế bào này thực hiện 4 lần sinh sản liên tiếp thì sẽ tạo được bao nhiêu tế bào con?

- A. 24.  
B. 48.  
C. 12.  
D. 16.

**Câu 7:** Đơn vị cấu tạo của mọi cơ thể sống là:

- A. Tế bào  
B. Hệ cơ quan.  
C. Cơ quan.  
D. Mô.

**Câu 8:** Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?

- A. Cây thược kê.  
B. Cây hoa phượng.  
C. Cây cầu.  
D. Cây đàn.

## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 6

**Câu 9:** Ở tế bào thực vật, bộ phận nào có chức năng điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào?

A. Chất tế bào.

B. Màng sinh chất.

C. Nhân.

D. Vách tế bào.

**Câu 10:** Chức năng của màng tế bào là?

A. Chứa vật chất di truyền, điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.

B. Chứa các bào quan là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào.

C. Tham gia vào quá trình quang hợp của tế bào.

D. Bảo vệ, kiểm soát các chất đi vào, đi ra khỏi tế bào.

**Câu 11:** Thành phần chứa các bào quan, là nơi diễn ra các hoạt động sống của tế bào là?

A. Chất tế bào.

B. Nhân.

C. Màng tế bào.

D. Lục lạp.

**Câu 12:** Trong các tế bào dưới đây, tế bào nào có dạng hình cầu?

A. Tế bào hồng cầu người.

B. Tế bào trứng.

C. Tế bào thần kinh.

D. Tế bào sợi nấm.

## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 7

**Câu 1: Sinh vật đơn bào được cấu tạo từ bao nhiêu tế bào:**

- A. 1                      B. 2                      C. 3                      D. 4

**Câu 2: Sinh vật đa bào là sinh vật được cấu tạo bởi:**

- A. Một tế bào                       B. Nhiều tế bào  
C. Tế bào nhân thực                      D. Tế bào nhân sơ

**Câu 3: Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào khác nhau chủ yếu ở điểm nào?**

- A. Màu sắc                      B. Kích thước  
 C. Số lượng tế bào tạo thành                      D. Hình dạng

**Câu 4: Đặc điểm nào sau đây đúng với sinh vật đơn bào?**

- A. Được cấu tạo từ một hoặc nhiều tế bào  
B. Chúng đều là sinh vật nhân sơ  
C. Có thể quan sát bằng mắt thường.  
 D. Cơ thể chỉ gồm một tế bào thực hiện tất cả các chức năng của cơ thể như hô hấp, tiêu hoá, sinh sản, ...

## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 7

**Câu 5: Cơ thể nào sau đây là đơn bào?**

- A. Trùng biến hình.    B. Con chó.    C. Con ốc sên.    D. Con cua

**Câu 6: Sinh vật nào sau đây là sinh vật đa bào?**

- A. Vi khuẩn E.Coli.     B. Thủy Tắc.  
C. Trùng giày.    D. Trùng roi.

**Câu 7: Nhóm sinh vật nào dưới đây là những sinh vật đa bào ?**

- A. Tảo lam, con chó, cây cà chua.  
B. Tảo lam, trùng roi, cây cà chua.  
 C. Cây cà chua, con chó, con giun đất.  
D. Con giun đất, trùng roi, con chó.

**Câu 8: Đặc điểm cấu tạo nào dưới đây làm cho vi khuẩn được xem là sinh vật đơn bào ?**

- A. Cơ thể được cấu tạo từ một số tế bào, mỗi tế bào thực hiện các chức năng sống.  
 B. Cơ thể được cấu tạo từ một tế bào, thực hiện các chức năng sống.  
C. Có kích thước nhỏ bé.  
D. Là động vật nhân sơ.



## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 7

**Câu 9:** Trong các cơ quan *rễ, phổi, tim, lá, thận, quả*, các cơ quan nào thuộc cơ thể động vật?

A. tim, thận, phổi

B. rễ, thận, tim

C. lá, quả, phổi

D. phổi, thận, quả

**Câu 10:** Cơ quan nào có chức năng bơm máu đi khắp cơ thể?

A. Phổi

B. Tim

C. Dạ dày

D. Ruột

**Câu 11:** Trong các cơ quan *gan, tim, lá, hoa, thận, quả*, các cơ quan nào thuộc cơ thể thực vật?

A. gan, tim, lá

B. thận, lá, hoa

C. hoa, lá, quả

D. lá, quả, tim

**Câu 12:** Cơ quan nào có chứa nhiều sắc tố thực hiện chức năng quang hợp?

A. quả

B. rễ

C. hoa

D. lá

## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 7

**Câu 13:** Sắp xếp nào dưới đây đúng khi nói về mối quan hệ của các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào ?

- A. Tế bào --> Mô --> Cơ quan --> Hệ cơ quan --> Cơ thể.
- B. Tế bào --> Mô --> Hệ cơ quan --> Cơ quan --> Cơ thể.
- C. Cơ thể --> Tế bào --> Mô --> Hệ cơ quan --> Cơ quan.
- D. Mô --> Tế bào --> Cơ quan --> Hệ cơ quan --> Cơ thể.

**Câu 14:** Hệ cơ quan ở thực vật bao gồm:

- A. Hệ lá và hệ thân.
- B. Hệ thân và hệ rễ.
- C. Hệ chồi và hệ thân.
- D. Hệ chồi và hệ rễ.

**Câu 15:** Đâu là cấp độ hoạt động độc lập thấp nhất trong cơ thể đa bào?

- A. Mô.
- B. Cơ quan.
- C. Cơ thể.
- D. Tế bào.

## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 7

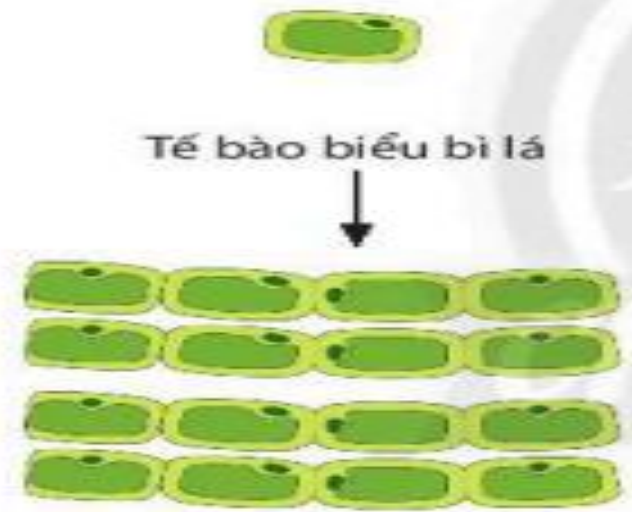
**Câu 16:** Tập hợp một nhóm tế bào có hình dạng và chức năng giống nhau được gọi là ?

A. Tế bào.

**B. Mô.**

C. Cơ quan.

D. Hệ cơ quan.



## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 8

**Câu 1:** Việc phân loại thế giới sống có ý nghĩa gì đối với chúng ta?

- (1) Gọi đúng tên sinh vật.
- (2) Đưa sinh vật vào đúng nhóm phân loại.
- (3) Thấy được vai trò của sinh vật trong tự nhiên và thực tiễn.
- (4) Nhận ra sự đa dạng của sinh giới.

A. (1), (2), (3).

B. (2), (3), (4).

C. (1), (2), (4).

D. (1), (3), (4).

**Câu 2:** Tiêu chí nào sau đây được dùng để phân loại sinh vật?

- (1) Đặc điểm tế bào.
- (2) Mức độ tổ chức cơ thể.
- (3) Môi trường sống.
- (4) Kiểu dinh dưỡng.
- (5) Vai trò trong tự nhiên và thực tiễn.

A. (1), (2), (3), (5).

B. (2), (3), (4), (5).

C. (1), (2), (3), (4).

D. (1), (3), (4), (5).

## BÀI TẬP CHỦ ĐỀ 8

**Câu 3:** Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào sau đây?

- A. Loài → Chi (giống) → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới.
- B. Chi (giống) → Loài → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới.
- C. Giới → Ngành → Lớp → Bộ → Họ → Chi (giống) → Loài.
- D. Loài → Chi (giống) → Bộ → Họ → Lớp → Ngành → Giới.

**Câu 4:** Tên phổ thông của loài được hiểu là

- A. Cách gọi truyền thống của người dân bản địa theo vùng miền, quốc gia.
- B. Tên giống + Tên loài + (Tên tác giả, năm công bố).
- C. cách gọi phổ biến của loài có trong danh mục tra cứu.
- D. Tên loài + Tên giống + (Tên tác giả, năm công bố).

# DẶN DÒ

- Học thuộc nội dung chính từ chủ đề 5 đến chủ đề 8.
- Hoàn thành các bài tập vào vở.